

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Hồng Hiệp**.

2. Ông **Thạch Hoàng Tha**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Đ cùng ông Nguyễn Văn M kết hôn thông qua mai mối nhưng hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 22/7/2016. Sau khi kết hôn chúng bà Nguyễn Thị Đ chung sống bên gia đình chồng tại ấp A, xã B. Cuộc sống hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống. Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn M có lần dùng vũ lực đánh bà Nguyễn Thị Đ nên bà Nguyễn Thị Đ kiên quyết ly hôn.

Nay bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Yêu cầu yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Đ (bản đối chiếu);

+ Trích lục kết hôn;

+ Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Bảo N (bản sao);

+ Đơn yêu cầu hòa giải gửi tổ hòa giải ấp A lập ngày 04/12/2022;

+ Biên bản hòa giải cơ sở do tổ hòa giải ấp A lập ngày 09/12/2022;

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Ông Nguyễn Văn M thống nhất với phần bà Nguyễn Thị Đ trình bày về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn cũng như việc vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 là đúng.

Việc bà Nguyễn Thị Đ nêu trong đơn cho rằng ông Nguyễn Văn M sử dụng bạo lực đối với bà là không chính xác. Thực tế ông Nguyễn Văn M chỉ một lần sử dụng tay không đánh vợ. Nay ông Nguyễn Văn M vẫn còn thương vợ, không muốn con chung sống thiếu đi tình cảm của mẹ nên ông Nguyễn Văn M muốn hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc.

Các vấn đề về tài sản và nợ chung ông Nguyễn Văn M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Đ vẫn cương quyết ly hôn, đồng ý giao con chung cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà không phải cấp dưỡng cho con. Ông Nguyễn Văn M xác định còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Ông Nguyễn Văn M đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/02/2023, bà Nguyễn Thị Đ có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M và không thể có mặt được do đi làm xa không có mặt tại kịp thời để tham gia phiên tòa. Bên cạnh đó, giữa bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn Nguyễn Văn M không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được do ông Nguyễn Văn M dùng vũ lực đối với bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M và thống nhất giao cho chung cho bị đơn nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà không phải cấp dưỡng cho con chung. Các vấn đề khác nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Xét thấy vợ cương quyết ly hôn và tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn. Ông Nguyễn Văn M đồng ý nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải cấp dưỡng cho con chung vì hiện nay ông có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Đối với tài sản chung, ông xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, ông xác định không có và không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn M.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/12/2022, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết

vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ cùng ông Nguyễn Văn M kết hôn thông qua mai mối nhưng hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 22/7/2016. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn M là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Đ: Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Đ chung sống bên gia đình chồng tại ấp A, xã B. Cuộc sống hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn M có lần dùng vũ lực đánh bà Nguyễn Thị Đ nên bà Nguyễn Thị Đ kiên quyết ly hôn. Ông Nguyễn Văn M cũng thừa nhận đã từng dùng tay để đánh vợ một lần. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông Nguyễn Văn M xác định chỉ dùng tay để đánh vợ một lần, không dẫn đến thương tích cho bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên, nếu cuộc sống vợ chồng hằng ngày có sự mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm sống gây ra tranh cãi thì pháp luật cũng không cho phép xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe hoặc danh dự nhân phẩm của người khác. Hành vi dùng tay đánh vợ của ông Nguyễn Văn M có thể được xem là hành vi bạo lực trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Do đó hành vi này đã vi phạm điều cấm được quy định tại điểm h khoản 2 của Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Nguyễn Thị Đ đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Nguyễn Thị Đ ông Nguyễn Văn M hàn gắn tình cảm, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Đ vẫn cương quyết ly hôn. Bên cạnh đó hành vi của ông Nguyễn Văn M đã vi phạm quy định của Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 22/7/2016 của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn M sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn M có một người con chung tên Nguyễn Thị

Bảo N, sinh ngày 12/4/2017. Hiện nay con chung do ông Nguyễn Văn M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 thể hiện là con chung của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M.

[3.5] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ về việc bà yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 hiện nay đang được ông Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho ông Nguyễn Văn M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay con chung Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 đang được ông Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn M cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần bà Nguyễn Thị Đ phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.7] Bên cạnh đó bà Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Đ ông Nguyễn Văn M theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 22/7/2016 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/4/2017 (hiện nay con chung đang sống chung với ông Nguyễn Văn M) cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng cho con. Bà Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Văn M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005996, ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện xong). Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm

2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc